TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà***: Bà Dương Thị Thanh H, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 214 /2025/TLST-HNGĐ, ngày 30/6/2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Lương Thị H1, sinh năm 1994; địa chỉ: Khối H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, nay là xã Q, tỉnh Nghệ An, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Anh Phạm Phúc T, sinh năm 1995; Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị H1 trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Chị Lương Thị H1 và anh Phạm Phúc T đăng ký kết hôn với nhau ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, nay là UBND xã T, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, năm 2023, chị H1 xuất khẩu lao động sang Nhật Bản làm việc, đến đầu năm 2025, anh T cũng sang Nhật Bản lao động. Cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Hơn nữa, vợ chồng mỗi người một nơi nên không thể hàn gắn, hòa giải được. Hiện tại, chị H1 xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Phúc T.

- *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Lương Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Phúc T, quá trình giải quyết vụ án cũng đã gửi bản tự khai trình bày cơ bản thống nhất như trình bày của chị Lương Thị H1 về quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Anh T cũng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, anh T cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lương Thị H1.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 55, 57, 123 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS 2015, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Điều 3, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao, xử

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H1 và anh Phạm Phúc T

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

+ Về án phí: Chị H1 tự nguyện chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; anh Phạm Phúc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị Lương Thị H1 và anh Phạm Phúc T đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, có xác nhận của Đ tại Nhật Bản và Công văn số 1017/QLXNC-D1, ngày 31/7/2025 của

Phòng QLXNC, Công an tỉnh H nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên chị H1, anh T1 yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền cho chị Trần Thị Thu M, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm T, xã Q, tỉnh Nghệ An thực hiện việc giao, nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Lương Thị H1 và anh Phạm Phúc T theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị Lương Thị H1 và anh Phạm Phúc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, cả hai anh chị đều khẳng định: Cuộc sống chung vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hòa giải được, cả hai đều đồng thuận đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H1, anh T đã hết sức trầm trọng, việc duy trì hôn nhân giữa chị H1 và anh T là không có ý nghĩa, nên HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H1 và anh Phạm Phúc T theo quy định tại Điều 55, 123 Luật hôn nhân gia đình và Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Vợ chồng thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị Lương Thị H1 tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, 55, 57, 123 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 BLTTDS 2015, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Điều 3, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H1 và anh Phạm Phúc T

2.Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. *Về án phí*: Chị Lương Thị H1 tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng tính trừ cho chị H1 trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000313, ngày 30/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị H1 được nhận lại (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí nêu trên.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tùng Lộc;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu